
TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN ÔN TẬP VÀ KIỂM TRA
MÔN LUẬT HÌNH SỰ

Mục đích

Tài liệu này nhằm hỗ trợ cho học viên hình thức giáo dục từ xa nắm vững nội dung ôn tập và làm bài kiểm tra hết môn hiệu quả.

Tài liệu này cần được sử dụng cùng với tài liệu học tập của môn học và bài giảng của giảng viên ôn tập tập trung theo chương trình đào tạo.

Nội dung hướng dẫn

Nội dung tài liệu này bao gồm các nội dung sau:

Phần 1: Các nội dung trọng tâm của môn học. Bao gồm các nội dung trọng tâm của môn học được xác định dựa trên mục tiêu học tập, nghĩa là các kiến thức hoặc kỹ năng cốt lõi mà người học cần có được khi hoàn thành môn học.

Phần 2: Cách thức ôn tập. Mô tả cách thức để hệ thống hóa kiến thức và luyện tập kỹ năng để đạt được những nội dung trọng tâm.

Phần 3: Hướng dẫn làm bài kiểm tra. Mô tả hình thức kiểm tra và đề thi, hướng dẫn cách làm bài và trình bày bài làm và lưu ý về những sai sót thường gặp, hoặc những nỗ lực có thể được đánh giá cao trong bài làm.

Phần 4: Đề thi mẫu và đáp án. Cung cấp một đề thi mẫu và đáp án, có tính chất minh họa nhằm giúp học viên hình dung yêu cầu kiểm tra và cách thức làm bài thi.

PHẦN 1. CÁC NỘI DUNG TRỌNG TÂM

Chương 1. Khái niệm, các nguyên tắc cơ bản của Luật Hình sự Việt nam

- Khái niệm Luật Hình sự.
- Các nguyên tắc cơ bản của Luật Hình sự
- Khoa học Luật Hình sự

Chương 2. Khái niệm, cấu tạo và hiệu lực của Đạo Luật Hình sự Việt Nam

- Khái niệm Đạo luật Hình sự
- Cấu tạo của Bộ Luật Hình sự; cấu tạo của quy phạm pháp Luật Hình sự
- Hiệu lực của Bộ Luật Hình sự Việt Nam theo thời gian, theo không gian và hiệu lực hồi tố của Bộ Luật Hình sự

Chương 3. Khái niệm và phân loại tội phạm

- Khái niệm tội phạm: định nghĩa tội phạm theo Bộ Luật Hình sự Việt Nam, đặc điểm của tội phạm
- Phân loại tội phạm: Căn cứ phân loại tội phạm, xác định được 4 loại tội phạm (tội ít nghiêm trọng, tội nghiêm trọng, tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng)

Chương 4. Cấu thành tội phạm

- Các yếu tố của tội phạm
- Khái niệm, đặc điểm của các dấu hiệu cấu thành tội phạm
- Mối liên hệ giữa tội phạm và cấu thành tội phạm
- Phân loại cấu thành tội phạm và ý nghĩa của mỗi cách phân loại

Chương 5. Khách thể và đối tượng tác động của tội phạm

- Khái niệm và ý nghĩa của khách thể
- Phân loại khách thể của tội phạm và ý nghĩa của mỗi loại
- Phân biệt đối tượng tác động của tội phạm với đối tượng tác động của tội phạm

Chương 6. Mặt khách quan của tội phạm

- Khái niệm và ý nghĩa của mặt khách quan của tội phạm
- Khái niệm, đặc điểm, ý nghĩa của các dấu hiệu thuộc mặt khách quan
- Lý luận về quan hệ nhân quả giữa hành vi và hậu quả trong Luật Hình sự

Chương 7. Chủ thể của tội phạm

- Khái niệm và ý nghĩa của chủ thể của tội phạm

- Các dấu hiệu của chủ thể của tội phạm: Tuổi chịu trách nhiệm hình sự và năng lực trách nhiệm hình sự

- Khái niệm và ý nghĩa của chủ thể đặc biệt của tội phạm

- Nhân thân người phạm tội và ý nghĩa của nó

Chương 8. Mặt chủ quan của tội phạm

- Khái niệm về mặt chủ quan của tội phạm

- Các dấu hiệu thuộc mặt chủ quan của tội phạm: Lỗi, động cơ, mục đích

- Sai lầm và ảnh hưởng của sai lầm đến trách nhiệm hình sự

Chương 9. Các giai đoạn thực hiện tội phạm

- Khái niệm về các giai đoạn thực hiện tội phạm

- Nội dung và trách nhiệm hình sự của từng giai đoạn thực hiện tội phạm(chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt, tội phạm hoàn thành)

- Tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội

Chương 10. Đồng phạm

- Khái niệm và các dấu hiệu của đồng phạm

- Phân loại đồng phạm

- Các loại người đồng phạm

- Xác định trách nhiệm hình sự đối với đồng phạm

Chương 11. Những tình tiết loại trừ tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi

- Khái niệm tình tiết loại trừ tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi

- Phòng vệ chính đáng

- Tình thế cấp thiết

Chương 12. Trách nhiệm hình sự và hình phạt

- Khái niệm, đặc điểm của trách nhiệm hình sự

- Cơ sở triết học và cơ sở pháp lý của trách nhiệm hình sự

- Khái niệm, đặc điểm và mục đích của hình phạt

Chương 13. Hệ thống hình phạt và biện pháp tư pháp

- Khái niệm, đặc điểm và ý nghĩa của hệ thống hình phạt

- Các loại hình phạt

- Biện pháp tư pháp

Chương 14. Quyết định hình phạt

- Căn cứ quyết định hình phạt

- Quyết định hình phạt trong các trường hợp đặc biệt: Nhẹ hơn quy định của BLHS; trường hợp đồng phạm; trường hợp phạm nhiều tội; trường hợp có nhiều bản án

Chương 15. Miễn, giảm trách nhiệm hình sự và xóa án tích

- Khái niệm, các trường hợp miễn trách nhiệm hình sự

- Khái niệm, điều kiện miễn hình phạt

- Khái niệm, điều kiện áp dụng các biện pháp miễn và giảm thời hạn chấp hành hình phạt

- Hoãn, tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù

- Vấn đề xóa án tích

Chương 16. Trách nhiệm hình sự của người chưa thành niên phạm tội

- Các nguyên tắc cơ bản về xử lý hành vi phạm tội của người chưa thành niên

- Các loại hình phạt và biện pháp tư pháp áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội

- Quyết định hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội

- Giảm thời hạn chấp hành hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội

- Xóa án tích đối với người chưa thành niên phạm tội

Chương 17. Các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm con người

- Phân tích được dấu hiệu pháp lý của một số tội cụ thể của nhóm tội này được quy định tại các điều 93, 94, 95, 96, 97, 98, 99, 100, 101, 102, 103, 104, 105, 106, 107, 108, 109, 120, 121, 122 Bộ luật Hình sự.

Chương 18. Các tội xâm phạm sở hữu

- Phân tích được dấu hiệu pháp lý của một số tội cụ thể của nhóm tội này được quy định tại các điều 133, 134, 135, 136, 137, 138, 139, 140, 141, 142, 143, 144, 145 BLHS.

Chương 19. Các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế

- Phân tích được dấu hiệu pháp lý của một số tội cụ thể của nhóm tội này được quy định tại các điều 153 đến Điều 181 Bộ luật Hình sự.

Chương 20. Các tội phạm về chức vụ

- Phân tích được dấu hiệu pháp lý của một số tội cụ thể của nhóm tội này được quy định tại các điều 278, 279, 280, 281, 282, 283, 284, 285, 289, 290, 291 Bộ luật Hình sự.

PHẦN 2. CÁCH THỨC ÔN TẬP

Chương 1. Khái niệm, các nguyên tắc cơ bản của Luật Hình sự Việt nam

* **Khái niệm Luật Hình sự.** (tập bài giảng trang 1 đến trang 5)

Luật Hình sự là một ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Với tư cách là một ngành luật, Luật Hình sự có đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh riêng

+ *Đối tượng điều chỉnh của Luật Hình sự:* là quan hệ xã hội phát sinh giữa nhà nước và người phạm tội khi người này thực hiện tội phạm

+ *Phương pháp điều chỉnh của Luật Hình sự* là phương pháp quyền uy (Nhà nước là chủ thể trực tiếp có quyền buộc người phạm tội phải chịu trách nhiệm hình sự; người phạm tội phải chịu trách nhiệm trước nhà nước về hành vi mà họ đã thực hiện)

* **Các nguyên tắc cơ bản của Luật Hình sự** (tập bài giảng trang 5 đến trang 11)

- Định nghĩa nguyên tắc cơ bản của Luật Hình sự

- Các nguyên tắc cơ bản: Nguyên tắc pháp chế; nguyên tắc nhân đạo; nguyên tắc dân chủ; nguyên tắc kết hợp chủ nghĩa yêu nước với tinh thần hợp tác quốc tế (nội dung, ý nghĩa của từng nguyên tắc)

* **Khoa học Luật Hình sự:** Khái niệm, đối tượng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, mối liên hệ giữa khoa học Luật Hình sự với một số ngành khoa học khác

Chương 2. Khái niệm, cấu tạo và hiệu lực của Đạo Luật Hình sự Việt Nam

* **Khái niệm Đạo luật Hình sự, khái niệm quy phạm pháp Luật Hình sự** (tập bài giảng trang 13, 14)

* **Cấu tạo của Đạo Luật Hình sự Việt Nam.** (tập bài giảng trang 15 đến trang 18)

- Đạo Luật Hình sự được thể hiện dưới hình thức Bộ Luật Hình sự; được chia thành 2 phần: Phần chung và phần riêng. Phần chung(10 chương quy định 3 vấn đề lớn: những điều khoản cơ bản, tội phạm và hình phạt). Phần riêng (gồm 14 chương quy định các tội phạm cụ thể và mức độ hình phạt được áp dụng)

- Cấu tạo của quy phạm pháp Luật Hình sự

* **Hiệu lực của Bộ Luật Hình sự Việt Nam** (tập bài giảng trang 19 đến trang 28)

* **Hiệu lực của Bộ Luật Hình sự theo không gian** (K1 Điều 5 Bộ Luật Hình sự 1999)

Cần xác định các vấn đề sau:

- *Lãnh thổ Việt Nam theo Luật Hình sự gồm:* Lãnh thổ tự nhiên, lãnh thổ mở rộng, Lãnh sự quán, Đại sứ quán của Việt Nam ở nước ngoài

- *Hành vi phạm tội xảy ra trên lãnh thổ Việt Nam:*

+ Tội phạm được coi là thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam khi tội phạm ấy có một giai đoạn được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam.

+ Hành vi phạm tội trên lãnh thổ của các đối tượng: công dân Việt Nam, người không quốc tịch thường trú tại Việt Nam, người nước ngoài. Lưu ý đối với nhóm người được miễn trừ theo Khoản 2 Điều 5 Bộ Luật Hình sự

- *Hành vi phạm tội xảy ra ngoài lãnh thổ Việt Nam* (Điều 6 Bộ Luật Hình sự 1999)

* **Hiệu lực của Bộ Luật Hình sự theo thời gian** (Khoản 1 Điều 7 Bộ Luật Hình sự 1999). Cần xác định các vấn đề:

- *Thời điểm phát sinh và chấm dứt hiệu lực của Bộ Luật Hình sự* (Nghị quyết 32 xác định thời điểm phát sinh hiệu lực của Bộ Luật Hình sự 1999; Nghị quyết số 33/2009/QH12 xác định điểm phát sinh hiệu lực của bộ luật sửa đổi bổ sung 2009)

- Vấn đề hiệu lực hồi tố trong Luật Hình sự Việt Nam

+ *Hiệu lực hồi tố là gì: Hiệu lực hồi tố của Đạo luật Hình sự được hiểu là hiệu lực của đạo luật được áp dụng đối với hành vi phạm tội thực hiện trước khi đạo luật đó có hiệu lực thi hành*

+ *Trường hợp áp dụng:* (khoản 3 Điều 7 Bộ Luật Hình sự 1999)

Chương 3. Khái niệm và phân loại tội phạm

* **Khái niệm tội phạm:** định nghĩa tội phạm được quy định tại Điều 8 Bộ Luật Hình sự Việt Nam

* **Đặc điểm của tội phạm** (tính nguy hiểm cho xã hội, tính trái pháp luật, tính chất lỗi, tính phải chịu hình phạt). Cần dựa vào các đặc điểm này để phân biệt tội phạm với các hành vi vi phạm pháp luật khác

* **Phân loại tội phạm:** Khoản 2 Điều 8 Bộ Luật Hình sự phân chia tội phạm thành 4 loại. (tội ít nghiêm trọng, tội nghiêm trọng, tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng). Làm rõ căn cứ phân loại tội phạm tại Khoản 2, điều 8

Lưu ý: để nhận biết một tội phạm cụ thể là loại tội gì theo cách phân loại tội phạm của Khoản 2, điều 8, chúng ta không căn cứ vào mức hình phạt mà một người bị áp dụng trên thực tế mà căn cứ vào vức cao nhất của khung hình phạt được quy định định trong Bộ Luật Hình sự đối với tội ấy.

Chương 4. Cấu thành tội phạm (CTTP)

* **Các yếu tố của tội phạm.** (tập bài giảng trang 44, 45)

Xét về mặt cấu trúc, một tội phạm bao gồm 4 yếu tố cấu thành, mỗi yếu tố có những dấu hiệu nhất định. Cụ thể:

- Khách thể của tội phạm: là quan hệ xã hội được Luật Hình sự bảo vệ và bị tội phạm xâm hại. Đối tượng tác động của khách thể

- Mặt khách quan của tội phạm bao gồm các dấu hiệu: hành vi nguy hiểm cho xã hội, hậu quả, mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và hậu quả, công cụ, phương tiện, thời gian địa điểm, hoàn cảnh phạm tội...

- Chủ thể của tội phạm là con người cụ thể, đòi hỏi phải có 2 dấu hiệu bắt buộc: Năng lực trách nhiệm hình sự và tuổi chịu trách nhiệm hình sự.

- Mặt chủ quan của tội phạm là mặt bên trong của tội phạm, bao gồm lỗi, mục đích và động cơ phạm tội.

*** Khái niệm, đặc điểm của cấu thành tội phạm** (tập bài giảng trang 45 đến trang 49)

- *Khái niệm*: Cấu thành tội phạm là tổng hợp những dấu hiệu chung có tính đặc trưng cho loại tội cụ thể được quy định trong Luật Hình sự

- *Đặc điểm của các dấu hiệu cấu thành tội phạm*: Các dấu hiệu trong cấu thành tội phạm đều do luật định, có tính đặc trưng, có tính bắt buộc

- *Những dấu hiệu bắt buộc luôn luôn được phản ánh trong mọi cấu thành tội phạm*:

+ Quan hệ xã hội bị tội phạm xâm hại (thuộc khách thể của tội phạm)

+ Hành vi nguy hiểm cho xã hội (thuộc mặt khách quan của tội phạm)

+ Lỗi (thuộc mặt chủ quan của tội phạm)

+ Năng lực trách nhiệm hình sự và tuổi chịu trách nhiệm hình sự (thuộc chủ thể)

- *Dấu hiệu không bắt buộc phải có trong mọi cấu thành tội phạm*:

+ Đối tượng tác động của tội phạm (thuộc khách thể của tội phạm)

+ Hậu quả, mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và hậu quả, công cụ, phương tiện, thời gian địa điểm, hoàn cảnh phạm tội... (thuộc mặt khách quan của tội phạm)

+ Mục đích, động cơ phạm tội (thuộc mặt chủ quan của tội phạm).

*** Ý nghĩa của cấu thành tội phạm** (tập bài giảng trang 54 đến trang 56)

Ý nghĩa chính trị xã hội, ý nghĩa trong hoạt động lập pháp, hoạt động áp dụng pháp luật

*** Phân loại cấu thành tội phạm và ý nghĩa của mỗi cách phân loại** (tập bài giảng trang 49 đến trang 54)

- *Căn cứ vào mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội được CTTP phản ánh* CTTP được phân thành: cấu thành tội phạm cơ bản, cấu thành tội phạm tăng nặng, cấu thành tội phạm giảm nhẹ.

- *Căn cứ vào đặc điểm cấu trúc trong mặt khách quan của CTTP*, CTTP được phân thành: cấu thành tội phạm vật chất, cấu thành tội phạm hình thức

Chương 5. Khách thể và đối tượng tác động của tội phạm tội phạm

* **Khái niệm khách thể của tội phạm:** là quan hệ xã hội được Luật Hình sự bảo vệ và bị tội phạm xâm hại. (tập bài giảng trang 57, 59)

* **Ý nghĩa của khách thể:** (tập bài giảng trang 59, 60) Ý nghĩa về mặt chính trị xã hội, ý nghĩa trong hoạt động lập pháp, hoạt động áp dụng pháp luật

* **Phân loại khách thể của tội phạm và ý nghĩa của mỗi loại** (tập bài giảng trang 60 đến trang 63): Khách thể chung; khách thể loại; khách thể trực tiếp

* **Đối tượng tác động của tội phạm** (tập bài giảng trang 63 đến trang 66). Làm rõ khái niệm, các loại đối tượng tác động và ý nghĩa của đối tượng tác động

Chương 6. Mặt khách quan của tội phạm tội phạm

* **Khái niệm và ý nghĩa của mặt khách quan của tội phạm** (tập bài giảng trang 67, 68)

- Mặt khách quan của tội phạm là gì?

- Ý nghĩa của các dấu hiệu thuộc mặt khách quan: định tội, định khung hình phạt, là tình tiết tăng nặng giảm nhẹ khi quyết định hình phạt

* **Các dấu hiệu cụ thể của mặt khách quan của tội phạm:**

- *Hành vi khách quan của tội phạm* (tập bài giảng trang 68 đến trang 73). Nắm vững các nội dung sau: khái niệm, đặc điểm, hình thức thể hiện của hành vi khách quan; các dạng cấu trúc đặc biệt của hành vi khách quan của tội phạm

- Hậu quả nguy hiểm cho xã hội: (tập bài giảng trang 73 đến trang 75). khái niệm, ý nghĩa pháp lý của hậu quả nguy hiểm cho xã hội của tội phạm

- Phương tiện phạm tội, phương, thủ đoạn phạm tội, thời gian, địa điểm, hoàn cảnh phạm tội (tập bài giảng trang 77, 78)

* **Lý luận về quan hệ nhân quả giữa hành vi và hậu quả trong Luật Hình sự** (tập bài giảng trang 75, 76)

Chương 7. Chủ thể của tội phạm tội phạm

* **Khái niệm và ý nghĩa của chủ thể của tội phạm** (tập bài giảng trang 80 đến 83)

- Chủ thể của tội phạm là người có năng lực trách nhiệm hình sự, đạt độ tuổi luật định và đã thực hiện hành vi phạm tội cụ thể.

- Ý nghĩa: Không có chủ thể sẽ không có các yếu tố cấu thành tội phạm khác

* **Các dấu hiệu của chủ thể của tội phạm** (tập bài giảng trang 83 đến 91): Tuổi chịu trách nhiệm hình sự và năng lực trách nhiệm hình sự

- Năng lực trách nhiệm hình sự: Khái niệm; tình trạng không có năng lực trách nhiệm hình sự (Điều 13 Bộ Luật Hình sự); năng lực trách nhiệm hình sự của người say

- Tuổi chịu trách nhiệm hình sự (Điều 12 Bộ Luật Hình sự)

* **Khái niệm và ý nghĩa của dấu hiệu chủ thể đặc biệt của tội phạm** (tập bài giảng trang 91 đến 93)

* **Nhân thân người phạm tội trong Luật Hình sự** (tập bài giảng trang 93 đến 95)

Khái niệm, phân nhóm đặc điểm nhân thân người phạm tội, ý nghĩa của dấu hiệu nhân thân người phạm tội

Chương 8. Mặt chủ quan của tội phạm

* **Khái niệm, ý nghĩa của mặt chủ quan của tội phạm** (tập bài giảng trang 96, 97): Mặt chủ quan của tội phạm là mặt bên trong của tội phạm. Đó là những biểu hiện về mặt tâm lý của người phạm tội khi thực hiện tội phạm bao gồm: lỗi, động cơ, mục đích. Phân tích ý nghĩa của mặt chủ quan trong việc định tội và lượng hình

* **Các dấu hiệu thuộc mặt chủ quan của tội phạm** Lỗi, động cơ, mục đích

- Lỗi (tập bài giảng trang 97 đến 106). Các nội dung cần nắm: Khái niệm lỗi, các hình thức lỗi, lưu ý nội dung của lý trí và ý chí trong từng hình thức lỗi.

- Động cơ (tập bài giảng trang 106, 107): là động lực thúc đẩy người phạm tội thực hiện hành vi phạm tội.

- Mục đích (tập bài giảng trang 108 đến 110): là kết quả trong ý thức chủ quan mà người phạm tội mong muốn đạt được khi thực hiện tội phạm.

- Ý nghĩa pháp lý của lỗi, động cơ, mục đích trong việc xác định trách nhiệm hình sự: ý nghĩa trong việc định tội, định khung và quyết định hình phạt

* **Sai lầm và ảnh hưởng của sai lầm đến trách nhiệm hình sự** (tập bài giảng trang 110 đến 113). Sai lầm về pháp luật, sai lầm về sự việc

Chương 9. Các giai đoạn thực hiện tội phạm

- Khái niệm về các giai đoạn thực hiện tội phạm (tập bài giảng trang 114 đến 117)

- Nội dung và trách nhiệm hình sự của từng giai đoạn thực hiện tội phạm (tập bài giảng trang 118 đến 125)

+ Chuẩn bị phạm tội: Các dấu hiệu về mặt khách quan, chủ quan của chuẩn bị phạm tội. Vấn đề trách nhiệm hình sự đối với chuẩn bị phạm tội

+ Phạm tội chưa đạt: Các dấu hiệu về mặt khách quan, chủ quan của giai đoạn phạm tội. chưa đạt, phân loại phạm tội chưa đạt. Vấn đề trách nhiệm hình sự đối với chuẩn bị phạm tội

+ Tội phạm hoàn thành: khái niệm, thời điểm của tội phạm hoàn thành và ý nghĩa của việc xác định thời điểm của tội phạm hoàn thành. Cần phân biệt *thời điểm tội phạm hoàn thành* với *thời điểm tội phạm kết thúc*.

- Tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội:

- + *Khái niệm, điều kiện của tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội*
- + *Trách nhiệm hình sự*

Chương 10. Đồng phạm

- **Khái niệm:** Khoản 1 Điều 20 /Bộ Luật Hình sự 1999: "*đồng phạm là trường hợp có hai người trở lên cố ý cùng thực hiện một tội phạm*"

- **Các dấu hiệu mặt khách quan và chủ quan trong đồng phạm** (tập bài giảng trang 130 đến 135)

+ Ở mặt khách quan lưu ý các dấu hiệu về: Số lượng người tham gia, dấu hiệu hành vi, dấu hiệu hậu quả

+ Ở mặt chủ quan lưu ý các dấu hiệu về: lỗi, động cơ, mục đích. Lưu ý lỗi trong đồng phạm là lỗi cố ý, yếu tố lý trí và ý chí giữa những người đồng phạm phải có sự thống nhất

- **Các loại người đồng phạm** (tập bài giảng trang 135 đến 140)

+ Người thực hành, các dạng thực hành

+ Người tổ chức: Khoản 2 Điều 20 Bộ Luật Hình sự "*Người tổ chức là người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy việc thực hiện tội phạm*".

+ Người xúi giục: "*Người xúi giục là người kích động, dụ dỗ, thúc đẩy người khác thực hiện tội phạm*". Một hành vi để được coi là xúi giục phải thỏa mãn các điều kiện sau: Hành vi xúi giục phải trực tiếp, hành vi xúi giục phải cụ thể, người xúi giục phải có ý định rõ ràng thúc đẩy người khác phạm tội.

+ Người giúp sức: "*Người giúp sức là người tạo những điều kiện tinh thần hoặc vật chất cho việc thực hiện tội phạm*". Điều kiện của hành vi giúp sức là phải được tiến hành trước khi tội phạm kết thúc. Hành vi giúp sức có thể là: Giúp sức về vật chất, giúp sức về tinh thần, lời hứa hẹn trước sẽ che giấu người phạm tội, tang vật, dấu vết tội phạm được xem là một dạng giúp sức về tinh thần

- **Phân loại đồng phạm** (tập bài giảng trang 140 đến 143)

+ Căn cứ vào dấu hiệu chủ quan, đồng phạm được phân ra thành đồng phạm không có thông mưu trước và đồng phạm có thông mưu trước

+ Căn cứ vào dấu hiệu khách quan, đồng phạm được chia thành đồng phạm giản đơn và đồng phạm phức tạp.

+ Phạm tội có tổ chức: Khoản 3 Điều 20 /Bộ Luật Hình sự 1999 "*Phạm tội có tổ chức là hình thức đồng phạm có sự cấu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện tội phạm*". Lưu ý dấu hiệu "*sự cấu kết chặt chẽ*" giữa những người đồng phạm

- **Xác định trách nhiệm hình sự đối với đồng phạm** (tập bài giảng trang 143 đến 149)

- + Các nguyên tắc xác định trách nhiệm hình sự trong đồng phạm
- + Vấn đề xác định giai đoạn thực hiện tội phạm trong đồng phạm
- + Vấn đề tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội trong đồng phạm

Chương 11. Những tình tiết loại trừ tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi

- **Khái niệm:** tình tiết loại trừ tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi (tập bài giảng trang 152 đến 154)

- **Phòng vệ chính đáng** (tập bài giảng trang 143 đến 149)

+ Định nghĩa: Điều 15/Bộ Luật Hình sự 1999. Phòng vệ chính đáng là quyền của công dân chứ không phải là nghĩa vụ. Mục đích của phòng vệ nhằm ngăn chặn đầy lùi hành vi tấn công, hạn chế bớt những thiệt hại mà hành vi tấn công gây ra hoặc đe dọa gây ra

+ Các điều kiện của phòng vệ chính đáng: Các điều kiện làm phát sinh quyền phòng vệ; các điều kiện về nội dung và phạm vi phòng vệ

+ Vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng (Khoản 2 Điều 15 /Bộ Luật Hình sự 1999)

Người có hành vi vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng phải chịu trách nhiệm hình sự

+ Phòng vệ tương đương

- **Tình thế cấp thiết** (tập bài giảng trang 160 đến 162)

+ Định nghĩa: Điều 16/Bộ Luật Hình sự 1999

+ Các điều kiện của tình thế cấp thiết: Điều kiện về tính chất của sự nguy hiểm; điều kiện về tính chất của hành vi khắc phục

+ Vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết (Khoản 2 Điều 16/Bộ Luật Hình sự 1999)

Chương 12. Trách nhiệm hình sự và hình phạt

- **Khái niệm, đặc điểm của trách nhiệm hình sự** (tập bài giảng trang 166 đến 170)

+ *Trách nhiệm hình sự là hậu quả pháp lý của việc thực hiện tội phạm*

+ *Trách nhiệm hình sự là một dạng trách nhiệm pháp lý nghiêm khắc nhất*

+ *Trách nhiệm hình sự là trách nhiệm cá nhân của người phạm tội trước Nhà nước*

+ *Trách nhiệm hình sự được xác định bằng trình tự đặc biệt được*

+ *Trách nhiệm hình sự được phân tích trong bản án có hiệu lực của Tòa án*

- **Cơ sở triết học và cơ sở pháp lý của trách nhiệm hình sự** (tập bài giảng trang 170 đến 172)

- **Hình phạt** (tập bài giảng trang 170 đến 172)

+ Khái niệm, đặc điểm của hình phạt

+ Mục đích của hình phạt: mục đích phòng ngừa riêng; phòng ngừa chung

Chương 13. Hệ thống hình phạt và biện pháp tư pháp

- **Khái niệm, đặc điểm và ý nghĩa của hệ thống hình phạt** (tập bài giảng trang 182 đến 188)

- **Các loại hình phạt** (tập bài giảng trang 188 đến 204). Trình bày nội dung và điều kiện áp dụng của từng loại hình phạt sau: Cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ, trục xuất, tù có thời hạn, tù chung thân, tử hình; Cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định; cấm cư trú; quản chế; tước một số quyền công dân; tịch thu tài sản

- **Biện pháp tư pháp** (tập bài giảng trang 205 đến 216)

+ Khái niệm, đặc điểm của các biện pháp tư pháp

+ Các loại biện pháp tư pháp cụ thể:

- Tịch thu vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm Đ41
- Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại hoặc công khai xin lỗi
- Bắt buộc chữa bệnh
- Biện pháp giáo dục tại xã phường thị trấn
- Biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng

Chương 14. Quyết định hình phạt

- **Khái niệm, ý nghĩa của quyết định hình phạt**

- **Căn cứ quyết định hình phạt** (tập bài giảng trang 220 đến 242)

+ Quy định của Bộ Luật Hình sự

+ Tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi

+ Nhân thân người phạm tội

+ Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điều 46, 48 Bộ Luật Hình sự

- **Quyết định hình phạt trong các trường hợp đặc biệt:** (tập bài giảng trang 242 đến 259)

+ Quyết định hình phạt nhẹ hơn quy định của Bộ Luật Hình sự (Điều 47 BLHS)

+ Quyết định hình phạt trong trường hợp chân bị phạm tội và phạm tội chưa đạt (Điều 52 Bộ Luật Hình sự)

+ Quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm (Điều 53 Bộ Luật Hình sự)

+ Quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội (Điều 50 BLHS)

+ Quyết định hình phạt trong trường hợp có nhiều bản án (Điều 51 BLHS)

Chương 15. Miễn, giảm trách nhiệm hình sự và xóa án tích

- Khái niệm miễn trách nhiệm hình sự

- Các trường hợp miễn trách nhiệm hình sự: Điều 19; Điều 23; khoản 1, 2, 3 của Điều 25; Khoản 2 của Điều 69; (tập bài giảng trang 261 đến 269)

- **Khái niệm, điều kiện miễn hình phạt.** (Điều 54 Bộ Luật Hình sự) (tập bài giảng trang 269, 268)

- Án treo (tập bài giảng trang 270 đến 277)

+ Khái niệm và ý nghĩa của án treo

+ Các căn cứ cho hưởng án treo (Khoản 1 Điều 60/Bộ Luật Hình sự)

+ Điều kiện thử thách, hậu quả pháp lý khi vi phạm điều kiện thử thách của án treo

+ Áp dụng hình phạt bổ sung đối với người được hưởng án treo

- Miễn chấp hành hình phạt

Khái niệm và Các trường hợp miễn chấp hành hình phạt: Khoản 1 Điều 55; Điều 57; khoản 2 Điều 58; khoản 2 và 3 Điều 76 BLHS (tập bài giảng trang 277 đến 284)

- **Giảm thời hạn chấp hành hình phạt:** Khái niệm và Các trường hợp giảm thời hạn chấp hành hình phạt: Điều 58; Điều 59; khoản 1 Điều 76 BLHS (tập bài giảng trang 284 đến 287)

- **Hoãn, tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù:** (Điều 61, Điều 62) (tập bài giảng trang 287, 288)

- Xóa án tích (tập bài giảng trang 288 đến 291)

+ Khái niệm

+ Các trường hợp xóa án tích: Đương nhiên được xóa án tích; xóa án tích theo quyết định của tòa án; xóa án tích trong trường hợp đặc biệt (Điều 64, 65, 66 BLHS)

+ Cách tính thời hạn để xóa án tích (Điều 67 Bộ Luật Hình sự)

Chương 16. Trách nhiệm hình sự của người chưa thành niên phạm tội (tập bài giảng trang 292 đến 303)

- Các nguyên tắc cơ bản về xử lý hành vi phạm tội của người chưa thành niên

- Các loại hình phạt và biện pháp tư pháp áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội

- Quyết định hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội

- Giảm thời hạn chấp hành hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội

- Xóa án tích đối với người chưa thành niên phạm tội

Chương 17. Các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm con người

*** Tội giết người (điều 93)**

- Khách thể của tội phạm là tính mạng con người; đối tượng phải là người còn sống.
- Các dấu hiệu về mặt khách quan:
 - + Hành vi tước đoạt tính mạng của người khác trái phép bằng mọi hình thức.
 - + Hậu quả chết người xảy ra.
 - + Mối quan hệ nhân quả.
- Lỗi cố ý: cố ý trực tiếp và cố ý gián tiếp.

*** Tội giết con mới đẻ (Điều 94)**

- Các dấu hiệu về mặt khách quan:
 - + Hành vi vứt bỏ con hoặc giết con mới đẻ. Có thể thực hiện bằng hành động hoặc không hành động.
 - + Đối tượng tác động nạn nhân là đứa trẻ mới đẻ. (sinh ra trong vòng 7 ngày).
 - + Hậu quả đứa trẻ chết (dấu hiệu bắt buộc).
 - + Hoàn cảnh phạm tội: (dấu hiệu bắt buộc).
 - + Hoàn cảnh khách quan đặc biệt khó khăn.
 - + Do ảnh hưởng nặng nề của tư tưởng lạc hậu.
 - + Mối quan hệ nhân quả.
- Chủ thể : Người mẹ sinh ra đứa trẻ là nạn nhân.

*** Tội giết người trong tình trạng tinh thần bị kích động mạnh (Điều 95 BLHS)**

- *Hành vi tước bỏ mạng sống của con người được thực hiện trong tình trạng bị kích động mạnh.*
 - + Tình trạng tinh thần khi phạm tội bị kích động mạnh.
 - + Nguyên nhân là do hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân.
 - + Hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân được thực hiện đối với người phạm tội hoặc đối với người thân thích của người đó.
- Hậu quả là nạn nhân chết. Hậu quả chết người là dấu hiệu bắt buộc.
- Mối quan hệ nhân quả.
- Lỗi cố ý.

*** Tội giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng (Điều 96).**

- *Mặt khách quan của tội phạm.*
 - + Nạn nhân đang có hành vi trái pháp luật gây nguy hiểm đáng kể cho các lợi ích.
 - + Hành vi tước bỏ tính mạng của người khác do việc thực hiện hành vi phòng vệ.

+ Hành vi phòng vệ vượt quá giới hạn của phòng vệ chính đáng.

+ Hậu quả nạn nhân chết là dấu hiệu bắt buộc.

- *Mặt chủ quan của tội phạm.*

+ Lỗi cố ý; động cơ: ngăn chặn, đẩy lùi hành vi tấn công, hạn chế thiệt hại của hành vi tấn công có thể gây ra.

*** Tội làm chết người trong khi thi hành công vụ. (Điều 97)**

- Chủ thể đặc biệt, là người thi hành công vụ.

- Hành vi khách quan: Dùng vũ lực, vũ khí ngoài các trường hợp pháp luật cho phép trong khi đang thi hành công vụ. (Pháp lệnh Số:16/2011/UBTVQH12 ngày 30/06/2011)

- Hậu quả chết người là dấu hiệu bắt buộc

- Lỗi cố ý và vô ý. Không có cố ý trực tiếp.

- Động cơ phạm tội: vì thi hành công vụ.

*** Tội vô ý làm chết người. (Điều 98)**

- Người phạm tội đã có các hành vi vi phạm các quy tắc về bảo đảm an toàn về tính mạng của con người. Những quy tắc này có thể được quy phạm hóa hoặc chỉ là quy tắc xử sự thông thường đã trở thành tập quán sinh hoạt mọi người đều biết và thừa nhận (loại trừ các trường hợp đã được luật quy định thành tội phạm độc lập Điều 202,203,204,208,212...).

- Hậu quả nạn nhân chết là dấu hiệu bắt buộc.

- Lỗi vô ý: vì quá tin, do câu thả.

*** Tội vô ý làm chết người do vi phạm các quy tắc nghề nghiệp hoặc quy tắc hành chính. (Điều 99).**

*** Tội bức tử. (Điều 100).**

- *Mặt khách quan :*

+ Hành vi khách quan: Đối xử tàn ác với nạn nhân; thường xuyên ức hiếp nạn nhân; thường xuyên ngược đãi nạn nhân; *hành vi làm nhục nạn nhân.*

+ Nạn nhân phải là người lệ thuộc vào người phạm tội; nạn nhân phải là người tự tước đoạt tính mạng của mình; sự tự sát của nạn nhân không đòi hỏi nạn nhân phải chết.

- *Mặt chủ quan :* lỗi cố ý gián tiếp và vô ý.

- *Chủ thể:* là người có quan hệ với nạn nhân là người lệ thuộc vào người phạm tội.

*** Tội xúi giục hoặc giúp người khác tự sát (Điều 101).**

*** Tội không cứu giúp người đang ở trong tình trạng nguy hiểm đến tính mạng (Điều 102).**

- Hành vi không cứu giúp người trong tình trạng nguy hiểm đến tính mạng, tuy có điều kiện cứu giúp.

- Hậu quả: Nạn nhân chết là dấu hiệu bắt buộc. (tội phạm có cấu thành vật chất).

- Lỗi cố ý: Người phạm tội phải nhận thức rằng nạn nhân đang trong tình trạng nguy hiểm đến tính mạng và cố ý không cứu giúp bất kể vì động cơ nào.

*** Tội đe dọa giết người (Điều 103).**

*** Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác (Đ104).**

- Hành vi: Tác động trái phép đến thân thể của người khác.

- Hậu quả: Có 2 loại hậu quả: Thương tích và tổn hại cho SK.

+ Tỷ lệ thương tật từ 11% trở lên.

+ Dưới 11% thì phải thuộc một trong những trường hợp luật nói tại K1, Đ104.

- Phải có mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và hậu quả thương tật.

- Lỗi cố ý trực tiếp hoặc cố ý gián tiếp.

*** Các tội quy định tại các Điều: Điều 105, 106, 107, 108, 108, 110**

*** Tội hiếp dâm (điều 111)**

- Chủ thể đặc biệt, người thực hiện hành vi chỉ là nam giới. Nữ chỉ phạm tội này với vai trò là người đồng phạm (tổ chức, xúi giục hay giúp sức).

- Đối tượng tác động: người từ 16 tuổi trở lên.

- Mặt khách quan có các dấu hiệu sau: Hành vi dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc lợi dụng tình trạng không thể tự vệ được của nạn nhân hoặc thủ đoạn khác. Giao cấu trái ý muốn với nạn nhân bất kể đã được thỏa mãn về sinh lý hay chưa.

- Lỗi cố ý trực tiếp.

*** Tội hiếp dâm trẻ em. (Điều 112)**

- Đối tượng tác động là trẻ em (người dưới 16 tuổi).

- Hành vi: như hành vi khách quan được mô tả trong Điều 111,

- Biệt lệ: đối với nạn nhân là trẻ dưới 13 tuổi thì mọi quan hệ giao cấu đều là hiếp dâm trẻ em bất kể là vũ lực hay có sự đồng ý của nạn nhân.

- Lỗi cố ý.

*** Tội cưỡng dâm (Điều 113)**

- Hành vi dùng mọi thủ đoạn khiến người lệ thuộc mình hoặc người đang ở trong tình trạng quần bách phải miễn cưỡng giao cấu.

+ Quan hệ lệ thuộc: lệ thuộc về nuôi dưỡng, gia đình, công tác, tín ngưỡng.

+ Đang trong tình trạng quẫn bách: là trong hoàn cảnh hết sức khó khăn, tự mình không thể hoặc có thể khắc phục được, mà đòi hỏi phải có sự hỗ trợ của người khác (như người thân bệnh hiểm nghèo trong hoàn cảnh đặc biệt túng thiếu).

+ Người PT đã lợi dụng các hoàn cảnh nói trên để khống chế tư tưởng nạn nhân, buộc nạn nhân giao cầu.

- Nạn nhân miễn cưỡng giao cầu trước thủ đoạn của người PT.

- Lỗi cố ý.

*** Tội cưỡng dâm trẻ em (Điều 114).**

*** Tội giao cầu với trẻ em (Điều 115).**

- Trẻ em trong trường hợp này là từ 13 đến dưới 16 tuổi.

- Giao cầu thuận tình.

- Lỗi cố ý trực tiếp. Người phạm tội phải biết người mà mình giao cầu là dưới 16 tuổi. Đây là dấu hiệu bắt buộc.

- Chủ thể phải người đã thành niên.

*** Các tội quy định tại các Điều: 116, 117, 118, 119, 120, 121, 122**

Chương 18. Các tội xâm phạm sở hữu.

*** Tội cướp tài sản. (Điều 133 Bộ luật Hình sự).**

- Hành vi khách quan được thực hiện bằng 1 trong 3 hành vi sau: *dùng vũ lực; đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc; hành vi khác* (Cho uống thuốc ngủ...), Đặc điểm của các hành vi này phải làm tê liệt ý chí hoặc làm tê liệt khả năng chống cự của nạn nhân.

- Lỗi cố ý trực tiếp.

- Mục đích chiếm đoạt tài sản là dấu hiệu bắt buộc. Mục đích chiếm đoạt tài sản luôn phải xuất hiện trước hoặc muộn nhất là đồng thời với thời điểm thực hiện hành vi khách quan.

*** Tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản (Điều 134)**

- Khách thể: như tội cướp.

- Mặt khách quan: được thực hiện bằng hai loại hành vi.

+ Hành vi bắt cóc người khác làm con tin, và hành vi đòi tiền chuộc

+ Tội phạm hoàn thành khi can phạm có hành vi tống tiền.

- Mặt chủ quan của tội phạm: lỗi cố ý trực tiếp, mục đích chiếm đoạt tài sản.

- Chủ thể: là chủ thể thường.

*** Tội cưỡng đoạt tài sản. Điều 135.**

- Hành vi khách quan của tội cưỡng đoạt được thực hiện bằng một trong hai loại hành vi:

- + *Hành vi đe dọa dùng vũ lực.* (hành vi đe dọa ở đây khác với đe dọa trong tội cướp).
- + *Hành vi khác uy hiếp về mặt tinh thần người quản lý tài sản.*

- Đặc điểm của hành vi trên chỉ khống chế một phần về tư tưởng của nạn nhân, nạn nhân miễn cưỡng giao tài sản Tội phạm hoàn thành khi can phạm thực hiện một trong hai hành vi trên.

*** Tội cướp giật tài sản (Điều 136)**

- Thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản. Đặc điểm của *hành vi chiếm đoạt tài sản của tội cướp giật tài sản là mang tính công khai và nhanh chóng.*

- Cũng có một vài trường hợp kẻ phạm tội có sử dụng tới bạo lực nhưng việc dùng bạo lực chỉ để tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp cận và chiếm đoạt tài sản, chứ không có ý nghĩa làm cho chủ tài sản bị tê liệt ý chí như tội cướp.

- Lỗi cố ý trực tiếp.

*** Tội công nhiên chiếm đoạt tài sản. (Điều 137).**

- Đối tượng tác động là tài sản có trị giá từ 2.000.000 đ trở lên. dưới 2.000.000đ thì phải rơi vào một trong những trường hợp luật định.

- Mặt khách quan được đặc trưng bởi 2 dấu hiệu sau:

- + Thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản trên thực tế.
- + Hành vi chiếm đoạt có đặc điểm là mang tính công khai và ngang nhiên.

- Lỗi cố ý trực tiếp.

***Tội trộm cắp tài sản. (138)**

- Mặt khách quan của tội phạm được đặc trưng bởi *Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản đang có người quản lý.*

- Đối tượng tác động của tội phạm là tài sản bị chiếm đoạt phải thoả mãn hai điều kiện:

- + Là tài sản đang do người khác quản lý.
- + Tài sản chiếm đoạt phải trị giá từ 2.000.000 đồng trở lên. Nếu dưới 2.000.000 đồng thì phải rơi vào một trong những trường hợp luật định (khoản 1 điều 138).

- Lỗi cố ý trực tiếp.

*** Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. (điều 139).**

- Hành vi bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản: đưa ra các thông tin không đúng sự thật nhằm làm cho người nhận thông tin tưởng đó là sự thật mà giao tài sản.

- Trị giá tài sản bị chiếm đoạt: Từ 2.000.000đ trở lên. Dưới 2.000.000đ thì phải ở trong các trường hợp luật định (khoản 1 điều 139).

*** Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản (điều 140).**

- Hành vi Nhận tài sản một cách ngay thẳng hợp pháp trên cơ sở một hợp đồng (vay, mượn, thuê tài sản....) của người khác rồi chiếm đoạt 1 phần hoặc toàn bộ tài sản đã nhận thông qua các hành vi được mô tả tại Khoản 1 điều 140.

- Trị giá tài sản bị chiếm đoạt phải từ 4 triệu trở lên. Dưới 4 triệu thì phải: gây HQ nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt, hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt nhưng chưa được xóa án mà còn vi phạm.

*** Tội chiếm giữ trái phép tài sản. (điều 141).**

- Khách thể của tội phạm. Đối tượng tác động là tài sản thoát khỏi sự quản lý của chủ sở hữu hoặc người có trách nhiệm mà người phạm tội vì ngẫu nhiên mà có tài sản. Cụ thể: tài sản bị giao nhầm, tài sản tìm được, bắt được. Trị giá tài sản bị chiếm giữ để cấu thành tội phạm tối thiểu phải từ 10 triệu trở lên. Giá trị tài sản không đặt ra cho các tài sản là cổ vật, tài sản thuộc vật phẩm văn hóa, di tích lịch sử.

- Mặt khách quan: Hành vi đặc trưng là sau khi ngẫu nhiên chiếm hữu tài sản đã:

+ Cố tình không trả lại tài sản bị giao nhầm.

+ Cố tình không giao nộp tài sản mà mình bắt được, tìm được.

+ Trị giá tài sản bị chiếm giữ: 10 triệu hoặc cổ vật, vật có giá trị lịch sử văn hóa.

- Lỗi cố ý.

*** Tội sử dụng trái phép tài sản. (điều 142).**

- Khách thể của tội phạm là Quyền sử dụng tài sản. Đối tượng tác động là mọi thứ tài sản có khả năng mang lại lợi ích vật chất cho người sử dụng như tư liệu sản xuất, tư liệu sinh hoạt... Trị giá tài sản bị sử dụng trái phép ít nhất phải từ 50 triệu trở lên.

- Mặt khách quan.

Dấu hiệu thứ nhất là có Hành vi sử dụng trái phép tài sản, tức là khai thác trái phép giá trị sử dụng của tài sản để thụ hưởng lợi ích vật chất do tài sản đem lại.

Dấu hiệu thứ hai là:

+ Gây hậu quả nghiêm trọng.

+ Hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi này mà còn vi phạm.

+ Hoặc đã bị kết án về tội này chưa được xóa án mà còn vi phạm.

- Mặt chủ quan: Lỗi cố ý. Động cơ: vì vụ lợi, tức là thu vén lợi ích vật chất bất hợp pháp cho bản thân mình hay cho một nhóm người.

*** Tội hủy hoại, tội cố ý làm hư hỏng tài sản. (Điều 143)**

- Đối tượng tác động là các loại tài sản của các hình thức sở hữu trừ những tài sản có tính năng đặc biệt như vũ khí quân dụng, phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia...

- Hành vi hủy hoại tài sản hoặc hành vi cố ý làm hư hỏng tài sản.

- Hậu quả là gây thiệt hại về tài sản có trị giá 2.000.000 đ trở lên, dưới 2.000.000 đ thì phải rơi vào 1 trong những trường hợp.

- Tài sản bị thiệt hại có trị giá dưới 2.000.000 đ thì phải rơi vào 1 trong những trường hợp như: gây HQ nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt, hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt nhưng chưa được xóa án mà còn vi phạm.

- Lỗi cố ý.

*** Thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước.(Đ144)**

- Khách thể là quyền sở hữu tài sản. Đối tượng tác động là tài sản của nhà nước.

- Mặt khách quan:cấu thành vật chất.

+ Hành vi thiếu trách nhiệm trong công tác quản lý tài sản, dẫn đến:

+ Hậu quả là làm gây thiệt hại về tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, thể hiện ở việc làm mất mát, hư hỏng, lãng phí tài sản tài sản.

+ Mọi quan hệ nhân quả giữa hành vi và hậu quả.

- Lỗi vô ý.

- Chủ thể là người có nhiệm vụ trực tiếp trong công tác quản lý tài sản của Nhà nước.

*** Tội vô ý gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản (Điều 145).**

Chỉ cấu thành khi trị giá tài sản bị thiệt hại từ 50 triệu đồng trở lên.

Chương 19. Các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế

*** Tội buôn lậu. Điều 153.**

- Đối tượng tác động của tội buôn lậu là *hàng hoá, tiền Việt Nam, ngoại tệ, kim khí quý, đá quý, vật phẩm thuộc di tích lịch sử, văn hoá và hàng cấm.*

- Hành vi buôn bán hàng hóa qua biên giới trái phép.

- Hàng hoá, tiền Việt Nam, ngoại tệ, kim khí quý, đá quý phải có giá trị từ một trăm triệu đồng đến dưới ba trăm triệu đồng. Lưu ý nếu dưới một trăm triệu đồng thì phải có các dấu hiệu khác nữa.

- Hàng cấm phải có số lượng lớn. nếu dưới một trăm triệu đồng thì phải có các dấu hiệu khác nữa.

- Hành vi không thuộc các điều 193, 194, 195, 196, 230, 232, 233, 236 và 238 Bộ luật Hình sự.

- Lỗi cố ý.

*** Tội vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới. Điều 154.**

- Đối tượng tác động của tội phạm là hàng hoá, tiền Việt Nam, ngoại tệ, kim khí quý, đá quý, vật phẩm thuộc di tích lịch sử, văn hoá và hàng cấm.

- Hành vi vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới, người phạm tội không phải là chủ hàng, họ chỉ là người vận chuyển cho chủ hàng.

- Hàng hoá, tiền Việt Nam, ngoại tệ, kim khí quý, đá quý phải có giá trị từ một trăm triệu đồng đến dưới ba trăm triệu đồng. nếu dưới một trăm triệu đồng thì phải có các dấu hiệu khác nữa.

- Hàng cấm thì phải có số lượng lớn hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi vận chuyển trái phép qua biên giới hoặc hành vi quy định tại một trong các điều 153, 155, 156, 157, 158, 159, 160 và 161 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về một trong các tội này, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm mới cấu thành tội phạm.

- Nếu vận vật phẩm thuộc di tích lịch sử, văn hoá thì người vận chuyển trái phép phải là người đã bị xử phạt hành chính mà còn vi phạm.

Lưu ý: Hành vi vận chuyển trái phép qua biên giới các đối tượng được quy định tại các điều 193, 194, 195, 196 230, 232, 133, 136, và 238 thì cấu thành các TP tương ứng.

*** Tội sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán hàng cấm.(Điều 155)**

- Đối tượng tác động: *các loại hàng cấm.*

- Hành vi khách quan của tội phạm là thực hiện một trong các hành vi sau: *Sản xuất hàng cấm; tàng trữ hàng; vận chuyển hàng cấm; buôn bán hàng cấm.*

- Số lượng hàng phạm pháp phải lớn, thu lợi bất chính lớn.

- Lỗi cố ý.

*** Tội sản xuất hàng giả, buôn bán hàng giả.(Điều 156, 157, 158)**

- Đối tượng tác động của tội phạm này là hàng hoá được sản xuất, buôn bán không phải là hàng thật (hàng giả).

- Hành vi khách quan của tội phạm là thực hiện một trong các hành vi sau: *Sản xuất hàng giả; buôn bán hàng giả.*

- Hàng giả tương đương với số lượng của hàng thật có giá trị từ ba mươi triệu đồng đến dưới một trăm năm mươi triệu đồng. Nếu dưới ba mươi triệu đồng thì phải có thêm dấu hiệu khác.

- Nếu nêu hàng giả là đối tượng của các tội phạm khác như: Tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả, séc giả, các giấy tờ có giá giả khác, thì người phạm tội bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 180 và 181 Bộ luật hình sự.

*** Tội kinh doanh trái phép. (Điều 159)**

- Hành vi kinh doanh trái phép được thể hiện dưới các dạng sau: Kinh doanh không có đăng ký kinh doanh; kinh doanh không đúng với nội dung đã đăng ký; kinh doanh không có giấy phép riêng trong trường hợp pháp luật quy định phải có giấy phép.

- Hàng phạm pháp có giá trị từ một trăm triệu đồng đến dưới ba trăm triệu đồng. Nếu hàng phạm pháp chưa đến một trăm triệu đồng, thì phải kèm theo dấu hiệu khác...

*** Tội đầu cơ. (Điều 160)**

- *Khách thể*: Trật tự quản lý kinh tế của nhà nước trong lĩnh vực lưu thông hàng hóa. Đối tượng tác động là các loại hàng hóa đang trong tình trạng bị khan hiếm.

- *Mặt khách quan*.

Lợi dụng tình hình khan hiếm hoặc tạo ra sự khan hiếm giả tạo trong tình hình thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh hoặc tình hình khó khăn về kinh tế mua vét hàng hóa với số lượng lớn gây hậu quả nghiêm trọng.

Hành vi mua vét hàng hóa chỉ cấu thành tội phạm khi hội đủ các dấu hiệu được luật định. Loại trừ một số trường hợp không cấu thành tội phạm.

- *Mặt chủ quan*: cố ý trực tiếp; mục đích là nhằm thu lợi bất chính.

- *Chủ thể*: thường.

*** Tội trốn thuế. (Điều 161)**

- Thực hiện hành vi trốn thuế bằng các thủ đoạn như không đăng ký kinh doanh, kê khai gian dối, lập chứng từ giả, làm sai lệch sổ sách kế toán, với mục đích để không phải nộp thuế. Thuế bao gồm mọi loại thuế phải đóng bằng tiền, hiện vật hoặc dưới hình thức khác như thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế thu nhập đối với người có thu nhập cá nhân...

- Trị giá tiền thuế trốn từ 100 Triệu đồng đến dưới 300 tr đồng. Nếu dưới 100 tr phải kèm theo dấu hiệu khác...

*** Các tội quy định tại các Điều: 162, 163, 164, 166a, 166b, 167, 168, 169, 170, 170a, 171, 172, 173, 174, 175, 176, 177, 178, 179, 180, 181, 181a, 181b, 181c**

Chương 20. Các tội phạm về chức vụ.

*** Tội tham ô tài sản**

- Đối tượng tác động của tội phạm: Tài sản bị chiếm đoạt có 2 đặc điểm: Đang do mình quản lý một cách hợp pháp, trị giá tài sản bị chiếm đoạt từ 2.000.000 đ trở lên. Nếu dưới 2.000.000đ thì phải rơi vào một trong những trường hợp quy định tại điểm a, b, c

Khoản 1 Điều 278 Bộ luật Hình sự. Tài sản bị chiếm đoạt là tài sản của Nhà nước, của các tổ chức chính trị, chính trị XH, tổ chức XH nghề nghiệp...

- Hành vi lợi dụng chức vụ quyền hạn chiếm đoạt tài sản mà mình có trách nhiệm quản lý.

- Chủ thể đặc biệt- người có trách nhiệm quản lý tài sản

- Lỗi cố ý.

*** Tội nhận hối lộ. Điều 279.**

- Của hối lộ: là tiền, tài sản, lợi ích vật chất. Đây là dấu hiệu bắt buộc.

- Trị giá tối thiểu của vật hối lộ là 2.000.000 đ. Nếu dưới 2.000.000 đ thì phải rơi vào một trong các trường hợp luật quy định

- Nhận của hối lộ của người khác dưới bất kỳ hình thức nào, lợi dụng chức vụ quyền hạn để làm một việc hoặc không làm một việc vì lợi ích hoặc theo yêu cầu của người đưa hối lộ.

+ Làm một việc trong giới hạn thẩm quyền nhưng trái với chức trách.

+ Không làm một việc đáng lẽ phải làm trong thẩm quyền của mình.

+ Làm một việc vượt quá thẩm quyền trên cơ sở lợi dụng chức vụ quyền hạn.

- Chủ thể đặc biệt, người có chức vụ quyền hạn.

***Tội lạm dụng chức vụ quyền hạn chiếm đoạt tài sản.(Điều 280)**

- Khách thể: sự hoạt động đúng đắn của bộ máy nhà nước. Đối tượng tác động là tài sản của người khác. Đây là điểm khác biệt với tội tham ô

- Mặt khách quan:

+ Lạm dụng chức vụ quyền hạn chiếm đoạt tài sản của người khác, tức là người phạm tội đã sử dụng chức vụ quyền hạn của mình như một phương tiện để thực hiện việc chiếm đoạt tài sản.

+ Cách thức sử dụng quyền hạn để chiếm đoạt tài sản không có ý nghĩa về mặt định tội. Các cách thức thực hiện trên thực tiễn có thể là hình thức cưỡng đoạt, lừa đảo, lạm dụng tín nhiệm

- Mặt chủ quan: lỗi cố ý.

- Chủ thể: người có chức vụ quyền hạn.

*** Tội lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ..(Điều 281)**

- Khách thể: sự hoạt động đúng đắn của bộ máy nhà nước, tổ chức XH. Đồng thời làm thiệt hại lợi ích hợp pháp của công dân.

- Mặt khách quan:

+ Cấu thành vật chất. Lợi dụng chức vụ quyền hạn làm trái công vụ nghĩa là làm trái với chức năng nhiệm vụ, mục đích công tác được giao.

+ Hậu quả: thiệt hại cho lợi ích của nhà nước, của XH, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

+ Mối quan hệ nhân quả.

- Mặt chủ quan: lỗi cố ý. Động cơ: vì vụ lợi hoặc động cơ cá nhân khác (vụ lợi là thu lợi ích vật chất thông qua việc phạm tội).

- Chủ thể: người có chức vụ quyền hạn.

*** Tội lạm quyền trong khi thi hành công vụ (Điều 282)**

*** Tội lợi dụng chức vụ quyền hạn gây ảnh hưởng đối với người khác để trục lợi. (Điều 283)**

- Khách thể: hoạt động bình thường và uy tín của cơ quan tổ chức.

- Mặt khách quan:

+ Dùng ảnh hưởng của mình do cương vị công tác đem lại thúc đẩy người có chức vụ quyền hạn làm trái chức trách. Cần phân tích: *ảnh hưởng* và *thúc đẩy*. Hình thức lợi dụng sự ảnh hưởng: đa dạng như bằng thư từ, qua điện thoại, công khai hoặc tinh vi.

+ Đã nhận hoặc sẽ nhận tiền của hoặc lợi ích vật chất khác dưới bất kỳ hình thức nào. Trị giá tài sản nhận được từ 2.000.000 đ trở lên. Nếu dưới 2.000.000 thì: gây hậu quả nghiêm trọng và đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này mà còn vi phạm.

- Mặt chủ quan: lỗi cố ý; động cơ vụ lợi.

- Chủ thể: người có chức vụ quyền hạn.

*** Tội giả mạo trong công tác (Điều 284)**

*** Tội thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng (Điều 285)**

*** Tội đưa hối lộ. Điều 289.**

- Hành vi khách quan là: Đưa tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất cho người nhận hối lộ dưới bất kỳ hình thức nào.

- Vật hối lộ là lợi ích vật chất. Trị giá vật hối lộ từ 2.000.000 đ trở lên. Nếu thấp hơn thì phải rơi vào một trong những trường hợp luật định

- Mục đích đưa hối lộ để người có chức vụ quyền hạn sử dụng cương vị công tác của mình làm trái công vụ có lợi cho người đưa hoặc theo yêu cầu của người đưa.

- Lỗi cố ý.

Lưu ý:- Trường hợp đưa hối lộ không bị coi là tội phạm hoặc được miễn TNHS (Khoản 6 Điều 289)

*** Tội môi giới hối lộ.** Điều 290.

- Hành vi làm trung gian giữa người nhận và người đưa hối lộ nhằm đạt được sự thỏa thuận hoặc thực hiện sự thỏa thuận hối lộ. Hành vi có thể ở các dạng sau: Người môi giới tạo điều kiện cho người nhận và người đưa gặp gỡ để thỏa thuận với nhau về việc hối lộ; người môi giới hành động theo tiêu cầu của 2 bên.

- Trị giá của hối lộ trên cơ sở thỏa thuận của bên nhận và đưa từ 2.000.000 đ trở lên. Nếu dưới 2.000.000 thì phải gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã vi phạm nhiều lần.

- Lỗi cố ý.

*** Tội lợi dụng ảnh hưởng đối với người có chức vụ quyền hạn để trục lợi.** Đ291.

PHẦN 3. HƯỚNG DẪN LÀM BÀI THI

Đối với phần bài tập tình huống:

- Bài tập được xây dựng với tình huống và các câu hỏi nhỏ. Do vậy sinh viên nên trả lời lần lượt theo thứ tự bởi sau mỗi câu sẽ có thêm tình tiết mới.
- Sinh viên cần trả lời ngắn gọn, không lặp lại đề thi. Sinh viên sẽ phải đưa ra căn cứ pháp lý nếu đề thi có yêu cầu, nếu đề thi không yêu cầu thì khuyến khích sinh viên đưa ra cơ sở pháp lý.
- Sinh viên cần trình bày sát với nội dung câu hỏi, trình bày rõ ràng mạch lạc, đủ ý.
- Trước hết phải tìm yêu cầu của bài, gạch dưới và đọc thật kỹ để làm đúng và vừa đủ theo yêu cầu của bài. Làm thừa so với yêu cầu sẽ không được tính điểm, mất thời gian vô ích.
- Phần nhận xét viết ngắn gọn và trình bày theo hiểu biết của mình. Không chép từ sách vào, nếu chép sẽ không được tính điểm.
- Chép bài người khác là vi phạm quy chế thi. Phần nội dung giống nhau trong bài thi sẽ không được tính điểm.

Đối với phần câu hỏi nhận định, sinh viên cần:

- Nắm chắc kiến thức, bám sát qui định của Luật Hình sự vì đề thi cũng chỉ ra sát với Luật Hình sự
- Đọc kỹ câu nhận định, tìm từ khóa của nhận định đó (sinh viên cần vận dụng kiến thức cơ bản đã được hướng dẫn tại môn Logic học).
- Không chép lại câu nhận định để tránh mất thời gian cho thí sinh cũng như giám khảo.
- Đưa ra ngay nhận định của mình là “Đúng” hoặc “Sai” một cách dứt khoát và giải thích, lập luận có căn cứ pháp lý để bảo vệ nhận định đó. Không có câu nhận định vừa đúng và vừa sai.
- Nên tránh trường hợp không đưa ra nhận định mà giải thích lòng vòng thì sinh viên sẽ không có điểm vì đề thi yêu cầu đưa ra nhận định và giải thích.
- Sinh viên chỉ đạt điểm khi đưa ra nhận định chính xác và giải thích đúng. Nếu chỉ đưa ra nhận định mà không giải thích hoặc chỉ giải thích mà không đưa ra nhận định thì cũng không đạt. Hoặc chỉ đưa ra nhận định và căn cứ pháp lý mà không kèm với lời

giải thích thì sinh viên cũng không đạt điểm.

PHẦN 4. ĐỀ THI MẪU VÀ ĐÁP MẪU:

Đề thi mẫu (Được tham khảo tài liệu, thời gian làm bài 90 phút):

ĐỀ THI MÔN LUẬT HÌNH SỰ

Câu số 1: (6 điểm)

Do thiếu tiền tiêu nên A đã dùng kèm cộng lực cắt khóa nhà của M để trộm cắp tài sản và lấy được một chiếc xe máy trị giá 46 triệu đồng. Hành vi của A được quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ Luật Hình sự Tội trộm cắp tài sản.

Anh (chị) hãy xác định:

1. Tội phạm do A thực hiện là loại tội phạm gì nếu căn cứ Điều 8 Bộ Luật Hình sự? Tại sao?
2. Nếu A chỉ được 15 tuổi thì A có phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi trộm cắp nêu trên không? Tại sao?
3. Loại và mức độ hậu quả do hành vi phạm tội của A gây ra?
4. Cần áp dụng biện pháp tư pháp nào trong vụ án này?

Câu số 2: (4 điểm)

Những nhận định sau đúng hay sai? Giải thích ngắn gọn vì sao?

1. Tội giết người với lỗi cố ý gián tiếp và tội cố ý gây thương tích trong trường hợp dẫn đến hậu quả chết người chỉ giống nhau về hậu quả của tội phạm.
2. Hành vi dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản có giá trị 5 triệu đồng phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản
3. Hành vi buôn bán hàng hóa nhà nước cấm kinh doanh với số lượng lớn phạm tội buôn bán hàng cấm.
4. Đối tượng tác động của các tội xâm phạm sở hữu phải là tài sản đang thuộc sự quản lý của chủ sở hữu tài sản.

- Hết -

Đáp án mẫu:

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ TP. HCM
KHOA KINH TẾ VÀ LUẬT**

ĐÁP ÁN ĐỀ THI MÔN LUẬT HÌNH SỰ

Câu 1. (6 điểm)

Vấn đề	Yêu cầu	Điểm
1	Căn cứ Điều 8 Bộ Luật Hình sự xác định:	1.5

Vấn đề	Yêu cầu	Điểm
	Tội phạm do A thực hiện là loại tội phạm ít nghiêm trọng	
2	Dựa vào Điều 12 và Điều 8 Bộ Luật Hình sự để trả lời: Nếu A chỉ được 15 tuổi thì A không phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi trộm cắp nêu trên	1.5
3	Loại và mức độ hậu quả do hành vi phạm tội của A gây ra: Thiệt hại về vật chất, mức độ là 46 triệu đồng.	1.5
4	Cần áp dụng biện pháp tư pháp: - Tịch thu vật trực tiếp liên quan đến tội phạm (Điều 41) - Trả lại tài sản (Điều 42);	1.5

Câu 2 (4 điểm)

Vấn đề	Yêu cầu	Điểm
1	Sai. Sai. Dựa vào dấu hiệu pháp lý tương đồng khác (ngoài dấu hiệu hậu quả) của hai tội phạm để giải thích	1.0
2	Sai. Dựa vào dấu hiệu pháp lý của tội phạm khác có thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản	1.0
3	Sai. Dựa vào dấu hiệu buôn bán hàng cấm của tội phạm khác để giải thích	1.0
4	Sai. Dựa vào bản chất pháp lý của tội xâm phạm sở hữu để giải thích	1.0

- Hết -